

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2024/LĐ-ST

Ngày: 25-6-2024

V/v: “Tranh chấp về hợp đồng
lao động”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu - Nguyên Trưởng Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;

2. Ông Lê Văn Công – Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vương Triều - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 54/2024/TLST-LĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST-LĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tô Thị Huyền T, sinh năm 1994; trú tại: Ấp A, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Công ty Cổ phần M; địa chỉ: 7 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Như H, sinh năm 1970; địa chỉ: Số G đường số A, khu phố C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần M1 ủy quyền ngày 19/4/2024, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Huỳnh Thị Y, sinh năm 2001; trú tại: xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; địa chỉ liên lạc: số E, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bảo hiểm xã hội thành phố T; địa chỉ: Đường N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Tô Thị Huyền T trình bày:

Năm 2017 bà Tô Thị Huyền T có cho bà Huỳnh Thị Y mượn hồ sơ để bà Y xin việc tại Công ty Cổ phần M. Sau khi thông qua sơ tuyển bà Y được tuyển dụng và làm việc tại Công ty bằng hồ sơ của bà T từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 10 năm 2019. Trong thời gian này bà T cũng đang làm việc tại một công ty khác. Đến nay do cần rút bảo hiểm xã hội 01 lần nhưng khi thực hiện thủ tục rút bảo hiểm thì có sự trùng lặp hồ sơ bảo hiểm nên không thể rút bảo hiểm được. Do đó, bà T đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng lao động giữa người lao động Tô Thị Huyền T (do bà Huỳnh Thị Y là người ký kết) với người sử dụng lao động Công ty Cổ phần M từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 10 năm 2019 là vô hiệu. Hủy kết quả đóng bảo hiểm xã hội của Công ty Cổ phần M đối với bà Tô Thị Huyền T từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 10 năm 2019, nguyên đơn bà Tô Thị Huyền T có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản làm việc và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện bị đơn bà Trần Thị Như H trình bày:

Năm 2017 công ty M có tuyển dụng lao động vào làm việc tại Công ty. Theo hồ sơ xin việc ghi tên Tô Thị Huyền T, sơ yếu lý lịch, giấy khám sức khỏe có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường L, Quận T thể hiện bà Tô Thị Huyền T là người xin việc. Sau khi thông qua hồ sơ tuyển dụng. Bà Tô Thị Huyền T được ký hợp đồng đào tạo 03 tháng, sau thời gian 03 tháng thì bà Tô Thị Huyền T được chính thức ký hợp đồng lao động số 206/2017/HĐLĐ/CTY.M, ngày 17 tháng 5 năm 2017, thời hạn hợp đồng là 12 tháng từ ngày 17/5/2017 đến ngày 17 tháng 5 năm 2018. Quá trình tuyển dụng cũng như khi sử dụng lao động công ty không biết việc bà T cho bà Huỳnh Thị Y mượn hồ sơ cá nhân để tham gia ký kết hợp đồng lao động. Khi hết hợp đồng, Công ty không làm hợp đồng mới mà sử dụng hợp đồng đã ký trước đó và bà T vẫn tiếp tục làm việc tại Công ty. Đến năm 2019 thì Công ty có chấn chỉnh về việc ai sử dụng hồ sơ không đúng thì không cho làm việc, lúc này bà Y (trên hồ sơ là bà T) làm đơn xin nghỉ việc, khi bà T nghỉ việc (thực tế là bà Y) thì Công ty đã chi trả các phúc lợi cho bà Y (khi bà Y mượn hồ sơ của bà Tô Thị Huyền T) và mọi quyền lợi của bà Y khi tham gia lao động cũng như khi nghỉ việc đã được Công ty thanh toán đầy đủ. Công ty không tranh chấp gì về số tiền Công ty đã tham gia bảo hiểm cho bà Huỳnh Thị Y cũng như các phúc lợi khác mà Công ty đã chi trả cho bà Y (khi bà Y mượn hồ sơ của bà Tô Thị Huyền T) để tham gia ký kết và làm việc tại Công ty. Nay bà Tô Thị Huyền T yêu cầu Tòa án tuyên: Hợp đồng lao động giữa người lao động Tô Thị Huyền T (do bà Huỳnh Thị Y là người ký kết) với người sử dụng lao động Công ty Cổ phần M từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 10 năm 2019 là vô hiệu. Đồng thời hủy kết quả đóng bảo hiểm xã hội của Công ty Cổ phần M đối với bà Tô Thị Huyền T từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 10 năm 2019 (trên thực

tế do bà **Y** làm việc), thì **Công ty T1**. Công ty không hề biết có sự gian dối trong hồ sơ xin việc của bà **Y**.

Tại biên bản làm việc và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Huỳnh Thị Y trình bày:**

Năm 2017 bà **Y** biết **Công ty M** có tuyển dụng lao động nhưng do bà **Y** chưa đủ tuổi lao động nên có mượn chứng minh nhân dân của bạn là bà **Tô Thị Huyền T** để nộp hồ sơ xin việc. Tuy nhiên, toàn bộ hồ sơ xin việc gồm: Đơn xin việc, Sơ yếu lý lịch, giấy khám sức khỏe, hình dán trên các giấy tờ trên đều là hình của **Y**. Sau khi nộp hồ sơ, bà **Y** được Công ty cho thử việc thời gian 03 tháng thì Công ty chính thức ký hợp đồng lao động số 206/2017/HĐLĐ/CTY.M, ngày 17 tháng 5 năm 2017, thời hạn hợp đồng là 12 tháng từ ngày 17/5/2017 đến ngày 17 tháng 5 năm 2018 theo hồ sơ xin việc mang tên **Tô Thị Huyền T**. Ngoài hợp đồng này thì giữa bà **Y** và Công ty không ký thêm hợp đồng nào khác mang tên bà **T**. Sau khi kết thúc thời gian theo hợp đồng thì Công ty sử dụng hợp đồng đã ký trước đó và bà **Y** làm việc cho đến tháng 10 năm 2019 thì nghỉ việc. Thời điểm nghỉ việc năm 2019 bà **Y** không làm hồ sơ nhận bảo hiểm xã hội mà bảo lưu bảo hiểm. Các quyền lợi của người lao động khi bà **Y** tham gia lao động tại Công ty đã được **công ty T2**. Hiện nay bà **Tô Thị Huyền T** yêu cầu Tòa án tuyên: Hợp đồng lao động giữa người lao động **Tô Thị Huyền T** (do bà **Huỳnh Thị Y** là người ký kết) với người sử dụng lao động **Công ty Cổ phần M** từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 10 năm 2019 là vô hiệu thì bà **Y** thống nhất. Tuy nhiên, bà **Y** mong muốn khi Tòa án xem xét giải quyết nhập khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 10 năm 2019 (trên thực tế do bà **Y** làm việc) vào khoảng thời gian tham gia bảo hiểm của **Y**.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Bảo hiểm xã hội thành phố T** trình bày: Khoảng thời gian từ tháng 5/2017 đến tháng 9/2019 bà **Tô Thị Huyền T** tham gia bảo hiểm xã hội tại **Công ty TNHH P** với mã số bảo hiểm xã hội là 7914279273 và tại **Công ty cổ phần M** với mã số bảo hiểm xã hội 7416309414. Quá trình tham gia bảo hiểm cả 02 Công ty đều có tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp cho bà **Tô Thị Huyền T**, sinh ngày 15/10/1994, số chứng minh nhân dân 366015224. Đối với mã số bảo hiểm 7416309414, tham gia từ thời gian tháng 5/2017 đến tháng 10/2019 được **Bảo hiểm xã hội tỉnh B** chốt vào ngày 23/11/2019 chưa hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần và trợ cấp thất nghiệp, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 127; Điều 131 của Bộ luật dân sự; Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà **Tô Thị Huyền T** khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên **Tô Thị Huyền T** (do bà **Huỳnh Thị Y** là người ký kết) với người sử dụng lao động là **Công ty cổ phần M** trong khoản thời gian làm từ tháng 5/2017 đến tháng 10/2019 là vô hiệu toàn bộ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hợp đồng lao động” được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn **Công ty Cổ phần M**; địa chỉ: **khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương**. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn bà **T**; người đại diện hợp pháp bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Y** và Bảo hiểm **thành phố T** có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về nội dung có yêu cầu: Bà **Huỳnh Thị Y** sử dụng chứng minh nhân dân của bà **Tô Thị Huyền T** để ký kết hợp đồng lao động với **Công ty cổ phần M** từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 10 năm 2019, được công ty tham gia BHXH được thể hiện đầy đủ tại sổ bảo hiểm xã hội số: **7416309414 cho bà Tô Thị Huyền T**, đồng thời tại thời điểm tháng 5/2017 đến tháng 10/2019 **Công ty TNHH P** tham gia bảo hiểm cho bà **T** theo mã số bảo hiểm **7914279273**. **Như vậy, qua** tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thông tin bảo hiểm xã hội cung cấp, có cơ sở xác định: Việc bà **Y** sử dụng thông tin trong chứng minh nhân dân của bà **T** để giao kết hợp đồng lao động với **Công ty cổ phần M** là không đúng chủ thể xác lập hợp đồng, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động được quy định tại Điều 17 Bộ luật Lao động năm 1994 (Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019). Căn cứ Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015) yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động người lao động tên **Tô Thị Huyền T** và **Công ty cổ phần M** từ tháng 5/2017 đến tháng 10/2019 là có cơ sở chấp nhận. Do hợp đồng lao động vô hiệu nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tại thời điểm giao kết hợp đồng.

Đối với quyền lợi của bà Huỳnh Thị Y sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[5] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty cổ phần M phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 122, 132, 137 Bộ luật dân sự năm 2005 (Các Điều 117, 122, 127; 131 của Bộ luật dân sự);

Các Điều 17, 50, 51 và Điều 52 Bộ luật Lao động năm 1994 (các Điều 15, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019);

Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị Huyền T với bị đơn Công ty cổ phần M về việc Tranh chấp hợp đồng lao động.

2. Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa bà Tô Thị Huyền T (do bà Huỳnh Thị Y là người ký kết) với người sử dụng lao động Công ty Cổ phần M từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 10 năm 2019 là vô hiệu.

3. Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Bảo hiểm xã hội thành phố T thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà Tô Thị Huyền T theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Công ty cổ phần M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí lao động sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Tô Thị Huyền T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004698 ngày 26/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thu Thảo